TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07/02/2024
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Vũ Mạnh Cường**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Trần Sóng Thành**

Bà Nguyễn Thị Thắm

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Hà Văn Tuấn** là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:* **Bà Lê Thị Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Bích P**, sinh năm 1982.

- *Bị đơn*: Anh **Trần Công Q**, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Số 257/N, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị P, anh Q vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2023 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích P trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị P và anh Trần Công Q quen nhau, tìm hiểu khoảng hơn 01 năm thì tiến tới kết hôn, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/01/2007. Đây là hôn nhân lần đầu của chị P.

Sau khi kết hôn vợ chồng mua nhà và sinh sống tại số 257/N, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh Q thường xuyên chửi bới, xúc phạm, đánh đập vợ con (nhưng không để lại thương tích) làm ảnh hưởng xấu đến tâm lý của các con. Anh Q không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con, mọi chuyện trong gia đình đều do chị P gánh vác. Ngoài ra, chị P nghi ngờ anh Q không chung thủy với chị (nhưng chị không có bằng chứng để cung cấp cho Tòa án), làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Sau nhiều lần mâu thuẫn thì cuối năm 2022 vợ chồng sống ly thân, anh Q thường xuyên vắng nhà vài ngày lại về, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và không thực hiện Q, nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị P đã cho anh Q nhiều cơ hội để thay đổi tuy nhiên anh Q vẫn không thay đổi. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo và hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Công Q.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Cao T, sinh ngày 01/10/2007; cháu Trần Đức T1, sinh ngày 05/10/2009 và cháu Trần Tuấn T2, sinh ngày 07/5/2013. Hiện nay các con chung đang ở cùng chị P. Hiện nay, chị P làm nghề buôn bán, có thu nhập khoảng 12.000.000đ đến 15.000.000đ và có chỗ ở ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị P không còn yêu cầu gì khác, ngày 20/12/2023 chị P có đơn xin xét xử vắng mặt.

+/ Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Trần Công Q đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; được triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+/ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+. *Về quan hệ hôn nhân:* Do tình cảm vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Bích P và anh Trần Công Q đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Bích P được ly hôn với anh Trần Công Q.

+. *Về con chung:* Vợ chồng chung sống có 03 con chung là cháu Trần Cao T, sinh ngày 01/10/2007; cháu Trần Đức T1, sinh ngày 05/10/2009 và cháu Trần Tuấn T3, sinh ngày 07/5/2013. Đề nghị giao các con chung cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tạm thời anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu.

+. *Về tài sản chung, nợ chung:* đề nghị không xem xét giải quyết.

+. *Về án phí*: Buộc chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2024 cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích P và bị đơn anh Trần Công Q. Ngày 20/12/2023 chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Bích P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Công Q và yêu cầu được nuôi con chung nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm Q giải quyết vụ án: Bị đơn anh Trần Công Q hiện đang cư trú tại số 257/N, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Nguyễn Thị Bích P là nguyên đơn, anh Trần Công Q là bị đơn.

[5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo nên áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 131, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về đường lối giải quyết: Chị Nguyễn Thị Bích P và anh Trần Công Q khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/01/2007 (BL 08) theo quy định tại Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ. Trong cuộc sống hôn nhân gia đình, chị P trình bày giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn thực hiện Q và nghĩa vụ chung của vợ chồng (BL 28) điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và biên bản xác minh tại chính Q địa phương thể hiện anh Q và chị P đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau, không thực hiện Q và nghĩa vụ của vợ chồng (BL 41).

[6.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị P tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị P yêu cầu ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[7] Về con chung: Chị P và anh Q có 03 con chung là cháu Trần Cao T, sinh ngày 01/10/2007; cháu Trần Đức T1, sinh ngày 05/10/2009 và cháu Trần Tuấn T2, sinh ngày 07/5/2013. Hiện nay các con chung đang ở cùng chị P tại ấp P, xã G, huyện T. Xét yêu cầu của chị P được nuôi dưỡng ba con chung là có căn cứ, bởi lẽ, chị P có nơi cư trú và thu nhập ổn định, chị P làm nghề buôn bán thu nhập trung bình mỗi tháng là khoảng 12.000.000đ đến 15.000.000đ. Ngoài ra, cháu T, cháu T1 và cháu T2 có nguyện vọng được sống với chị P trong trường hợp cha mẹ không còn sống chung với nhau (BL 29, 30, 31). Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng các con chung của chị P.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2023 và bản tự khai đề ngày 10/10/2023 chị P yêu cầu anh Trần Công Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 6.000.000đ (sáu triệu đồng) (2.000.000đ/cháu/tháng). Ngày 21/11/2023 chị P có đơn xin rút đối với yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Chị P không yêu cầu Q cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu, ý kiến trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần ghi nhận.

[9] Về tài sản chung: Nguyên đơn trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về nợ chung, nợ riêng: Nguyên đơn trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Chị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về Q kháng cáo: Chị P, anh Q được Q kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[13] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí.

[2.] Tuyên xử:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích P về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với anh Trần Công Q. Xử cho chị Nguyễn Thị Bích P và anh Trần Công Q ly hôn.

[2.2] Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Cao T, sinh ngày 01/10/2007; cháu Trần Đức T1, sinh ngày 05/10/2009 và cháu Trần Tuấn T2, sinh ngày 07/5/2013 cho chị Nguyễn Thị Bích P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[2.2.1] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Trần Công Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu.

[2.2.2] Khi ly hôn anh Trần Công Q vẫn có mọi Q và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (Q đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Q thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Q thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con …).

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung, nợ riêng: Đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0007914 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị P đã nộp đủ án phí.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

[5] Nguyên đơn, bị đơn được Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- CCTHADS H. Thống Nhất;
- UBND xã Quang Trung, H. Thống Nhất (Giấy CNKH số 05/2007);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Cường